

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương

Ngày 30/09/2025	8,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.4%	24.3%	24.3%

DT thuần Q3/25
27.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼55.8 -66.7%
YoY: ▼13.0 -31.9%

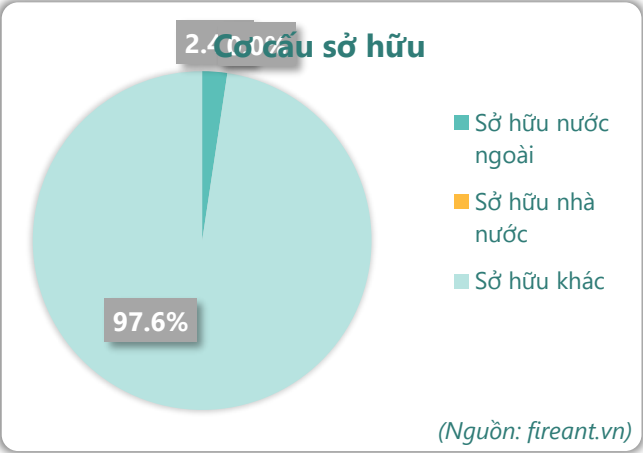
LN thuần Q3/25
-5.86
tỷ VNĐ
QoQ: ▼19.5 -143%
YoY: ▲ 0.18 3.0%

LN sau thuế Q3/25
-7.40
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.8 -215%
YoY: ▼0.77 -11.6%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
38.7%
YoY: +/-▲ 8.4%

ROE (TTM) Q3/25
0.5%
YoY: +/-▼ 0.0%

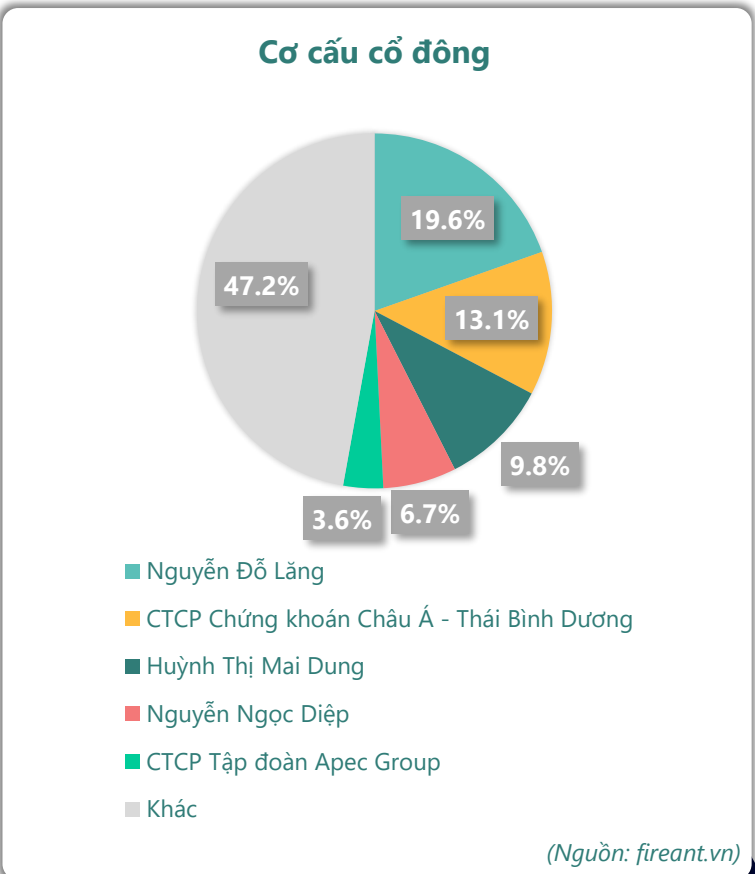
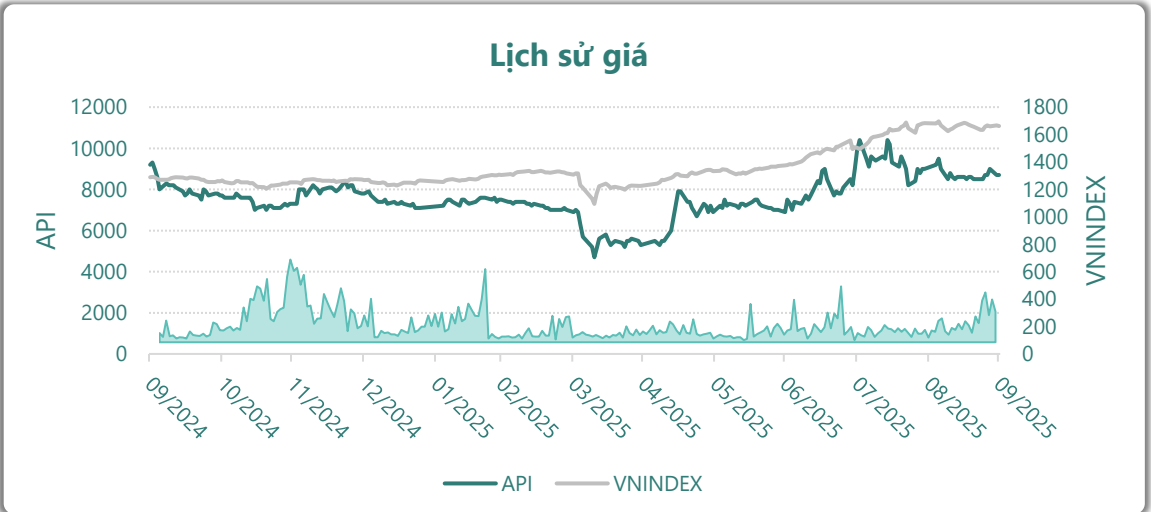
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	4,700 - 10,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	732
Số lượng CPLH (CP)	84,083,976
KLGD BQ 20 phiên (CP)	380,700
Sở hữu nước ngoài	2.4%
Beta	1.63
EPS	51
P/E	171.8



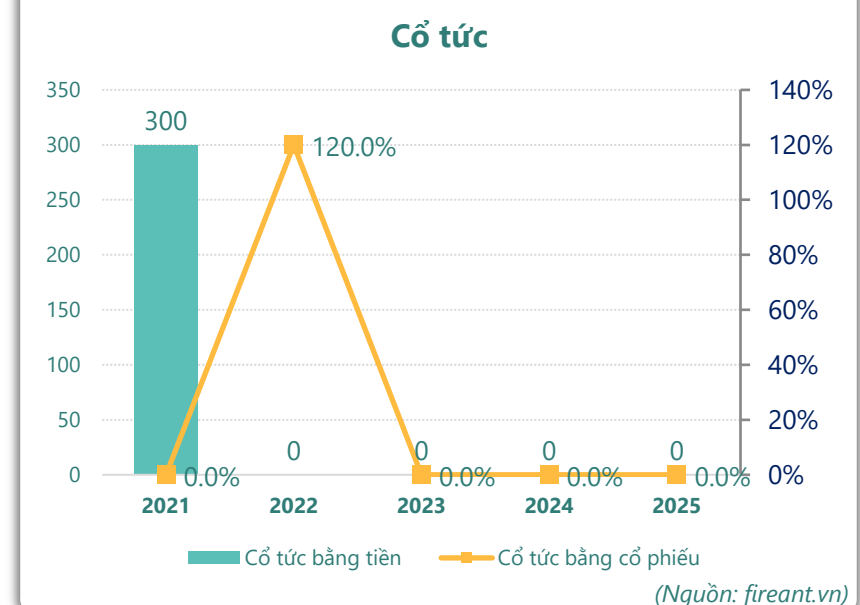
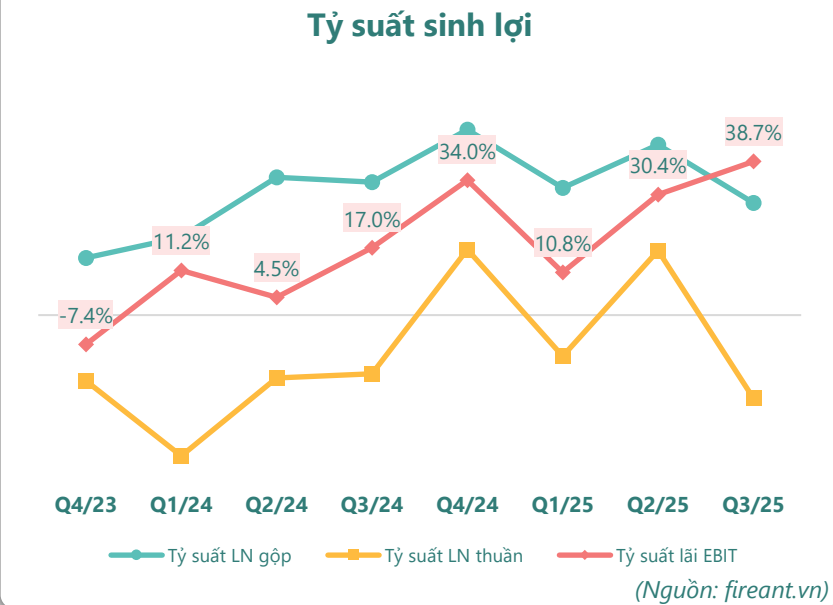
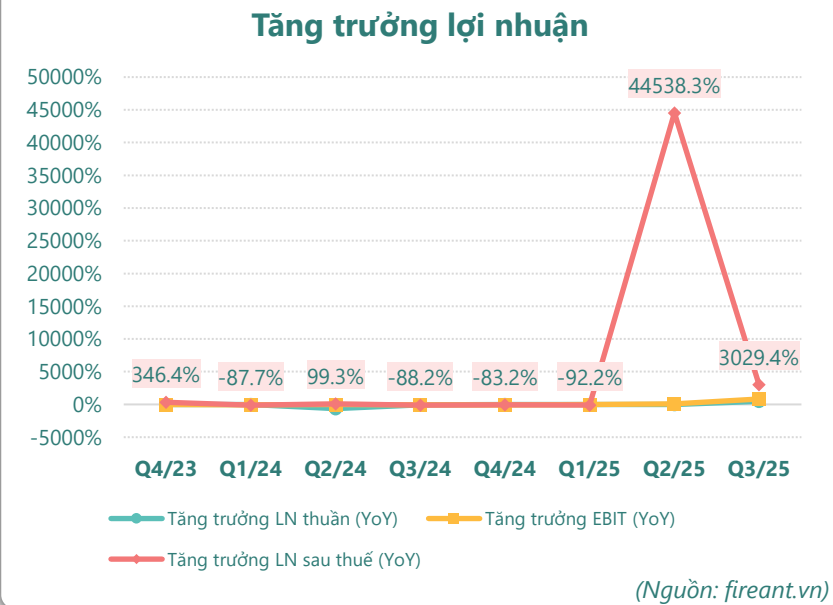
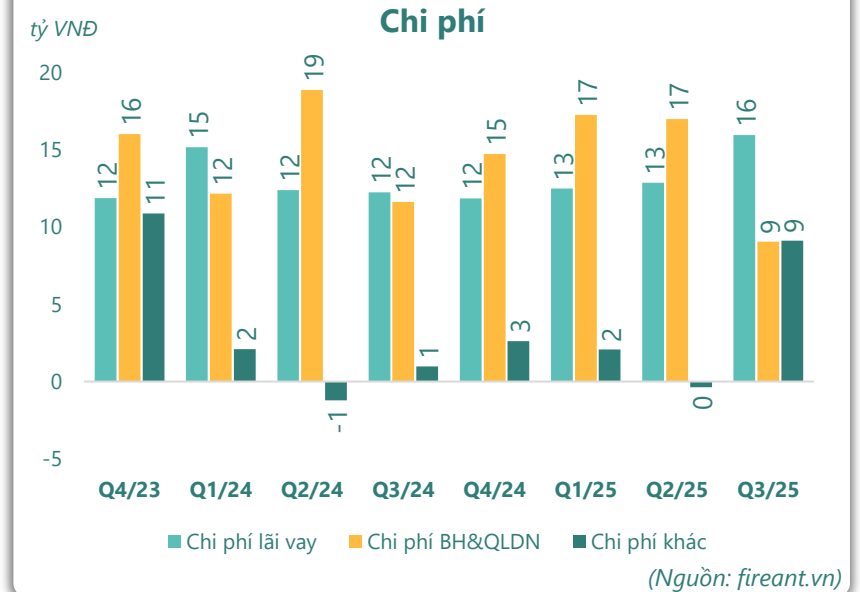
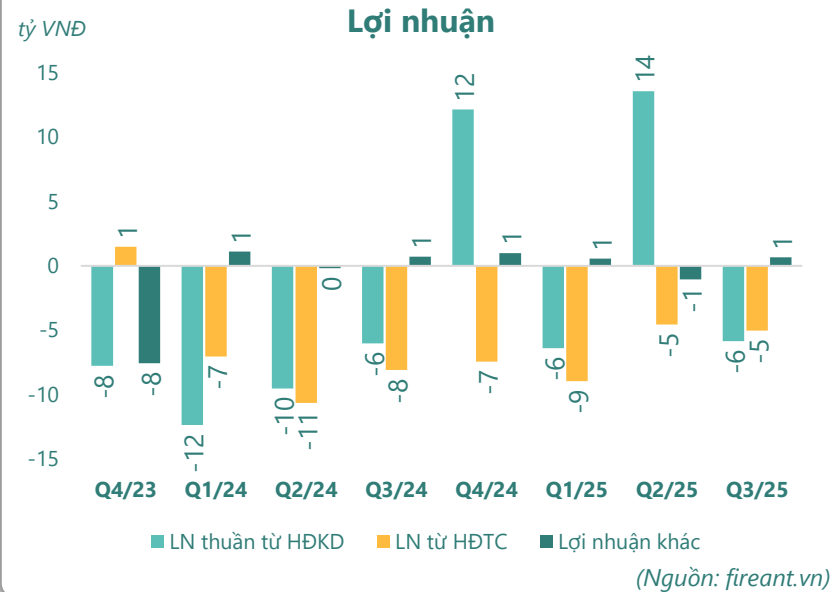
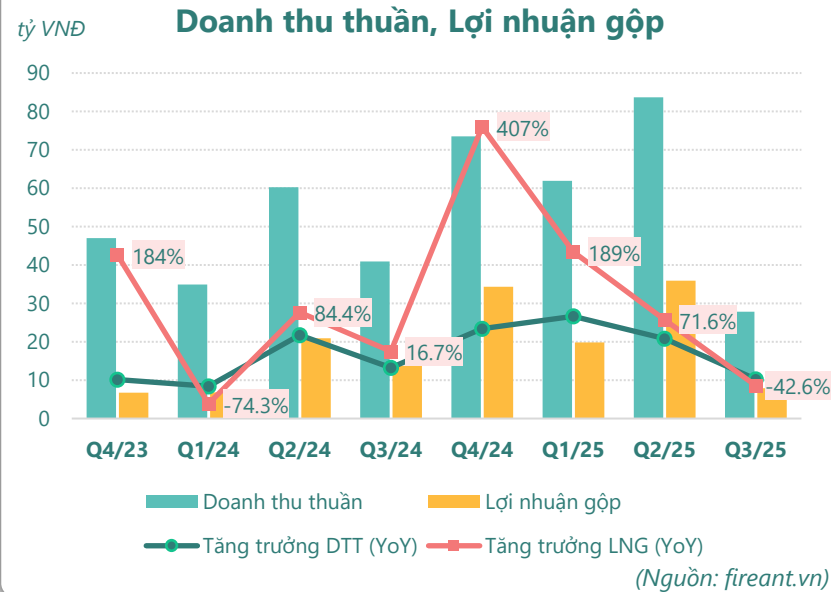
DT thuần 9T 2025
173
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 37.0 27.5%

LN thuần 9T 2025
1.34
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 29.3 105%

LN sau thuế 9T 2025
-7.90
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 23.0 74.4%



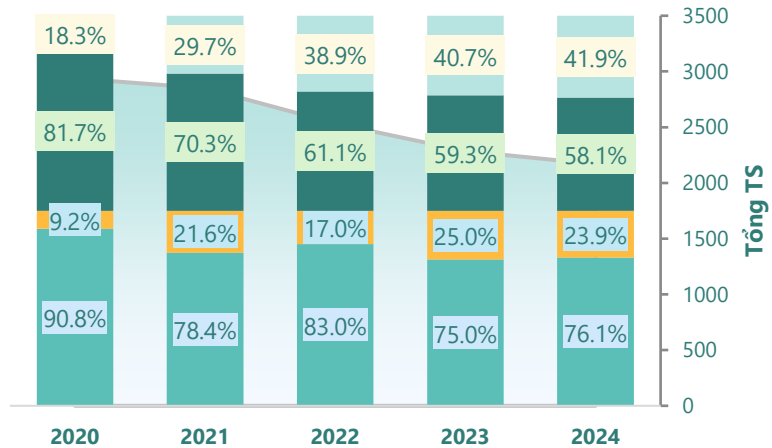
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

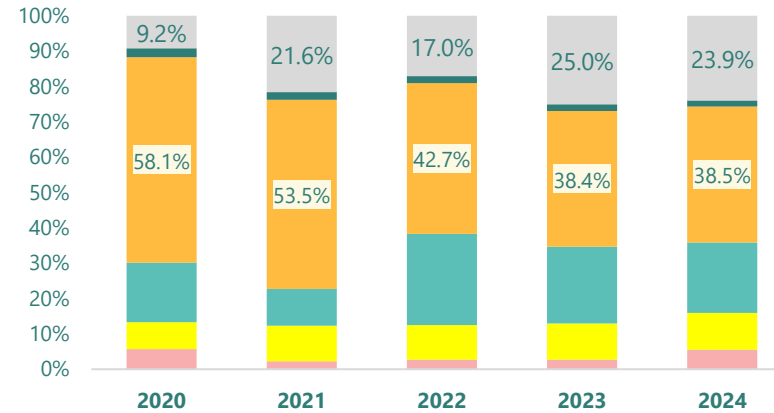
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

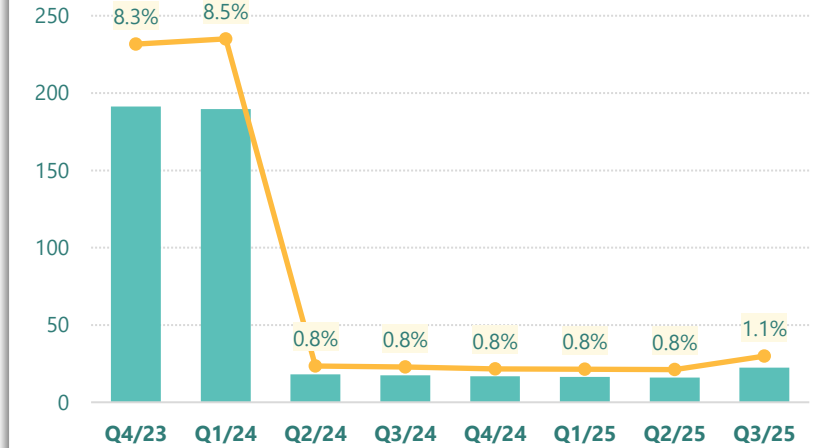


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

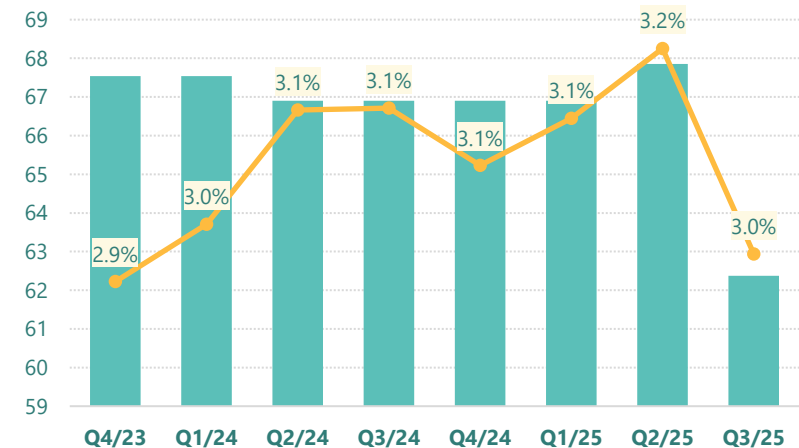


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

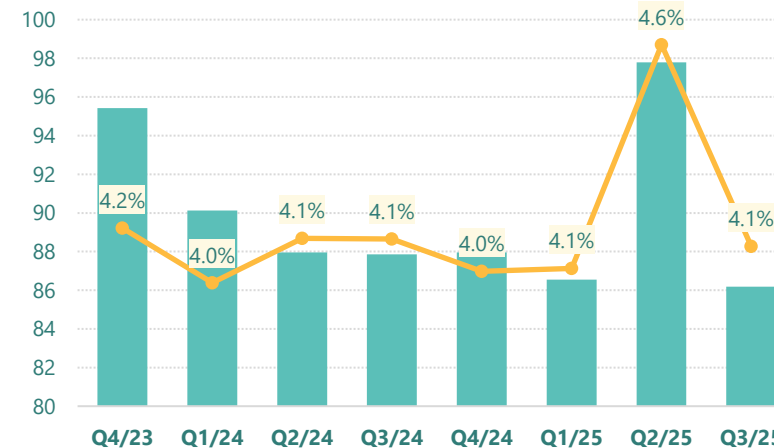


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

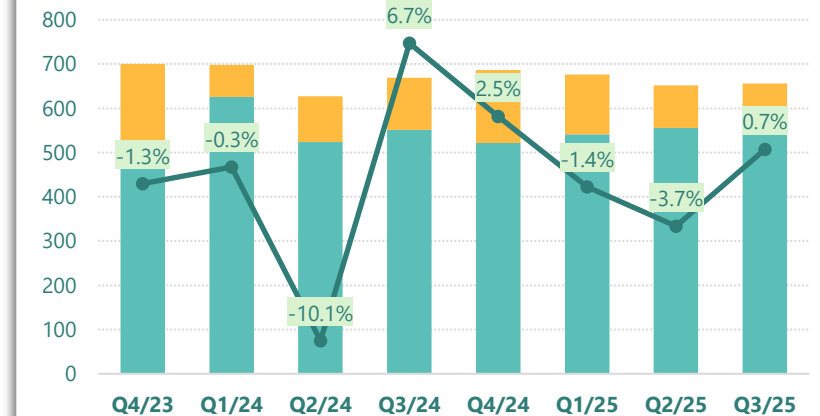


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



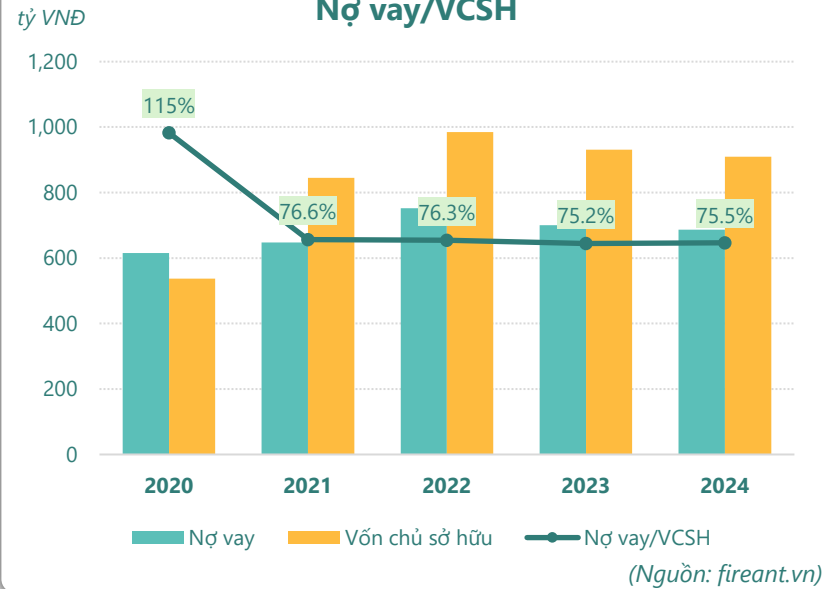
■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

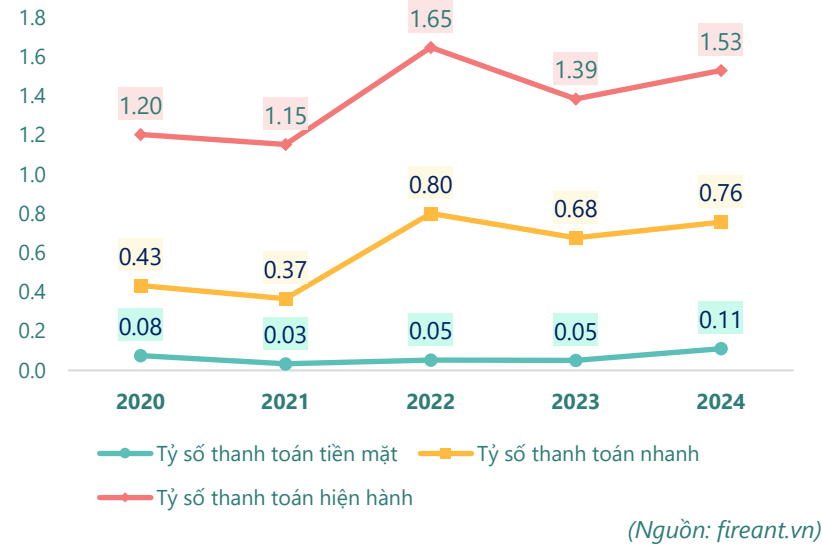
(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

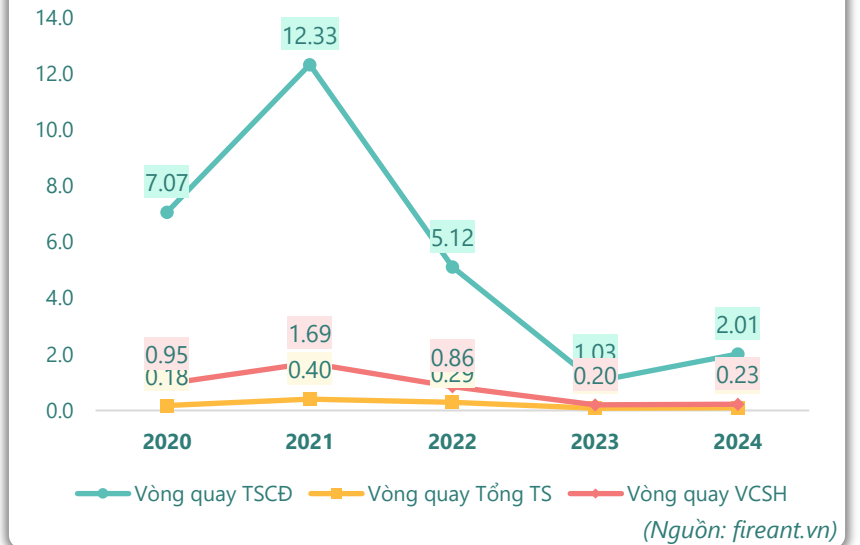
Nợ vay/VCSH



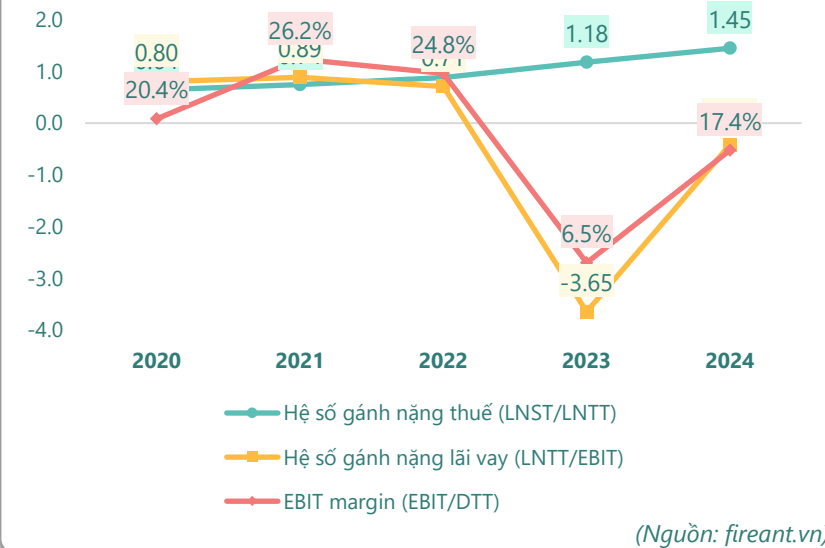
Chỉ số thanh khoản



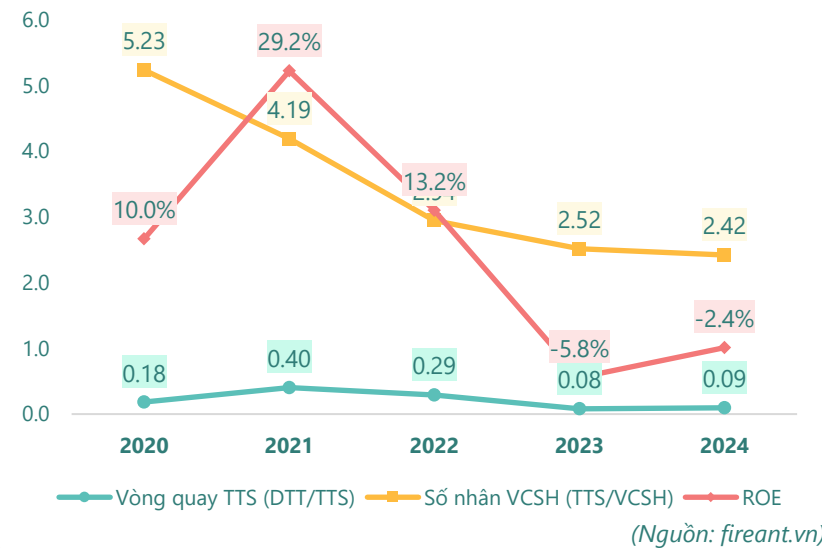
Vòng quay tài sản



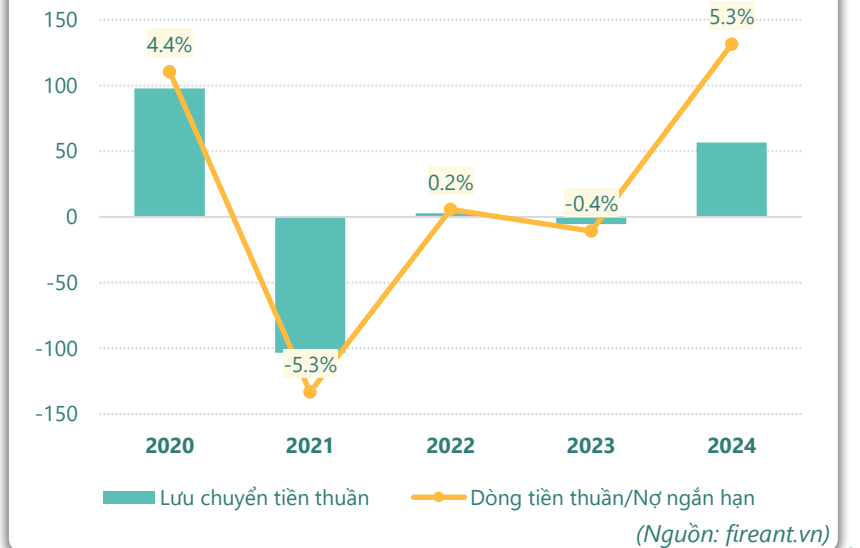
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Vòng quay tài sản và ROE



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	27.9	40.9	-31.9%	173	136	27.5%
Giá vốn hàng bán	20.0	27.2	-26.5%	110	94.6	16.1%
Lợi nhuận gộp	7.87	13.7	-42.6%	63.7	41.5	53.3%
Doanh thu HĐTC	6.87	5.00	37.4%	19.3	18.6	3.5%
Chi phí TC	11.9	13.1	-9.1%	37.8	44.4	-14.9%
Chi phí lãi vay	16.0	12.3	30.0%	41.4	39.9	3.8%
LN trong công ty LKLD	0.38	0.00		-0.39	-0.93	57.9%
Chi phí bán hàng	1.81	4.80	-62.4%	21.9	17.4	26.0%
Chi phí QLDN	7.26	6.85	6.0%	21.5	25.3	-15.3%
LN thuần từ HĐKD	-5.86	-6.04	3.0%	1.34	-28.0	105%
Lợi nhuận khác	0.66	0.72	-8.7%	0.16	1.66	-90.2%
LN trước thuế	-5.20	-5.33	2.5%	1.50	-26.3	106%
Lợi nhuận sau thuế	-7.40	-6.63	-11.6%	-7.90	-30.9	74.4%
LNST của CĐ cty mẹ	-7.10	-6.66	-6.6%	-7.19	-31.0	76.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.19	-22.0	45.2	14.7	14.9	-21.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	57.7	2.26	8.32	-9.13	-15.5	5.77
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-70.7	41.9	17.0	-9.90	-24.8	4.41
Tiền đầu kỳ	34.5	21.7	43.8	119	115	89.5
Lưu chuyển tiền thuần	-12.8	22.1	70.6	-4.34	-25.4	-11.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	21.7	43.8	114	115	89.5	78.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,095	2,170	-3.4%
Tài sản ngắn hạn	1,645	1,650	-0.3%
Tiền và tương đương tiền	78.1	119	-34.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	263	226	16.7%
Phải thu ngắn hạn	458	433	5.8%
Hàng tồn kho	808	835	-3.2%
Tài sản ngắn hạn khác	37.5	37.4	0.2%
Tài sản dài hạn	450	519	-13.4%
Phải thu dài hạn	88.8	90.3	-1.6%
Tài sản cố định	22.5	16.9	32.9%
Bất động sản đầu tư	173	235	-26.5%
Tài sản dở dang	62.4	66.9	-6.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	86.2	86.6	-0.4%
Tài sản dài hạn khác	17.4	23.8	-26.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,191	1,260	-5.5%
Nợ ngắn hạn	1,021	1,078	-5.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	543	558	-2.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	75.6	87.9	-13.9%
Nợ dài hạn	170	182	-6.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	113	129	-12.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	904	909	-0.6%
Vốn chủ sở hữu	904	909	-0.6%
Vốn điều lệ	841	841	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

